TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Bá Đức.

2. Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm: 1982.

Đăng ký thường trú: Ấp AH, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp TH, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp AH, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V quen biết qua mai mối, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/11/2004. Sau khi thành hôn, chị về sống cùng với gia đình anh V, đến năm 2005 thì anh chị cất nhà ra ở riêng tại ấp AH, xã AT, huyện M. Chị và anh V chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh V thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện cự

cãi và chửi mắng chị. Vào năm 2020, chị có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh V muốn chị cho anh thêm cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nên chị rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó anh V vẫn không thay đổi tính tình, mâu thuẫn kéo dài làm cho cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh V không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên chị và anh V sống ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có hai con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày: 19/12/2004 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày: 15/01/2017, hiện tại các con đang sống cùng với chị. Đối với con chung Nguyễn Thành L đã thành niên, có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phúc K sau khi ly hôn, không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh V không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh V cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh V.

+ Về con chung: Chị T và anh V có hai con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày: 19/12/2004 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày: 15/01/2017. Chị T được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phúc K, ghi nhận chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

Đối với con chung Nguyễn Thành L đã thành niên, chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Lương Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Văn V có nơi cư trú tại ấp AH, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn V theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/11/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh V không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống, anh V thường xuyên uống rượu về chửi mắng chị. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng nên từ tháng 04/2023 đến nay, chị T và anh V sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, anh V không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh và chị T, cũng như anh V không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh V có hai con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày: 19/12/2004 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày: 15/01/2017. Con chung Nguyễn Thành L đã thành niên, có khả năng tự lao động và chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phúc K sau khi ly hôn.

Xét thấy, hiện cháu K chưa đủ 07 tuổi và cháu đang sống với chị T từ khi chị T và anh V sống ly thân cho đến nay; bên cạnh đó, chị T cũng đảm bảo điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh V vắng

mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của con cả về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Nguyễn Phúc K cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày chị và anh V không tranh tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh V về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn V có hai con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày: 19/12/2004 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày: 15/01/2017.

Con chung Nguyễn Thành L đã thành niên và chị Lương Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chị Lương Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Phúc K.

Ghi nhận chị Lương Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn V cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Lương Thị T, anh Nguyễn Văn V hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Lương Thị T, anh Nguyễn Văn V có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn V không tranh chấp tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn V không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004636 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Lương Thị T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã AT;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.